TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị P Thiệu

Ông Nguyễn Văn Phiếu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình- Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và ngày 23 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2025/TBMLPT ngày 13/5/2025 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Đinh Thị Ngọc H; sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn T, xã P1, huyện N, tỉnh Ninh Bình; (Có mặt)

- ***Bị đơn:*** Anh Đinh Văn P; Sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn T, xã P1, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Trần Hoàng Hùng C- Luật sư - Công ty Luật TNHH C1; Địa chỉ: số 55, Nguyễn G; phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh . (Có mặt xét xử; tuyên án vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ nguyên đơn chị Đinh Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn ngày 13/02/2012 tại ủy ban nhân dân xã Sơn Hà, huyện N, tỉnh Ninh Bình sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc khoảng

được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh chị thường xuyên, đánh, cãi, chửi nhau trong thời gian sinh sống hai vợ chồng chị mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng rất nhiều lần vợ chồng anh chị sống ly thân vì thương con nên chị H lại hàn gắn với anh P để về ở với nhau nhưng không được. Kể từ tháng 08 năm 2024 vợ chồng anh chị sống ly thân và chị đã chuyển về ở với bố mẹ đẻ ở thôn Q, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình cho đến nay. Xét thấy nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn P.

Về con chung: Chị và anh Đình Văn P có 02 con chung là cháu Đinh Thùy D sinh ngày 07/3/2013 và cháu Đinh P A sinh ngày 01/8/2017. Hiện 02 cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Thùy D và cháu P A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung; Chị đề nghị anh P cấp dưỡng mỗi tháng 4 triệu đồng/ hai cháu đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Mỗi cháu 2 triệu đồng/ tháng/ cháu.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa chị Đinh Thị Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn P vì tình cảm anh chị không còn và lời khai của anh P tại phiên tòa ngày hôm nay thì chị càng không còn gì để có thể duy trì cuộc sống với anh P. Về con chung chị đề nghị được nuôi dưỡng chăm sóc hai cháu Đinh Thùy D sinh ngày 07/03/2013 và cháu Đình P A sinh ngày 01/8/2017 đến khi các cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4 triệu đồng/tháng/ hai cháu. Mỗi cháu 2triệu đồng/ tháng. Về tài sản chung và công nợ chung chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai,biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ bị đơn anh Đinh Văn P trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị H trình bày là đúng nhưng anh P không nhất trí ly hôn với chị Đinh Thị Ngọc H vì theo anh giữa vợ chồng anh chị cũng không có mâu thuẫn gì lớn, anh vẫn còn tình cảm với chị H và muốn xây dựng gia đình hạnh phúc. Trong quá trình chung sống có một lần chị H đã bỏ về nhà mẹ của anh để ở sau đó hai vợ chồng lại quay về lại ở với nhau. Tháng 8 năm 2024 cho đến nay chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở do chị H bỏ bê nhà cửa, con cái, không chăm lo cho gia đình, anh có nhắc nhở nhưng chị H vẫn không quan tâm gia đình. Anh chị đã có chiến tranh lạnh. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh, bản thân anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng nên anh không nhất trí với đề nghị của chị H là được ly hôn với anh.

Về con chung: Anh P và chị H có 02 con chung là cháu Đinh Thùy D sinh ngày 07/3/2013 và cháu Đinh P A sinh ngày 01/8/2017. Hiện 02 cháu đang ở với

chị H. Nếu ly hôn anh P có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Thùy D và cháu P A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung anh P đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4 triệu đồng/hai cháu đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Mỗi cháu 2 triệu đồng/ tháng/ cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Đình Văn P vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn với chị H vì những mâu thuẫn trong gia đình anh chị chỉ là những mâu thuẫn vụn vặt và nhỏ nhặt, bản thân chị H bỏ bê nhà cửa, con cái, không chăm lo cho gia đình, anh có nhắc nhở nhưng chị H vẫn không quan tâm gia đình. Quan hệ vợ chồng của anh không bình thường, anh chị đã có chiến tranh lạnh và chị H có quan hệ ngoài luồng có người đàn ông khác tuy nhiên anh không có bằng chứng; Về con chung: Anh đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 cháu là cháu D, cháu P A đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Nếu trong trường hợp anh không được nuôi hai cháu thì anh đề nghị được nuôi cháu P A đến khi cháu đủ 18 tuổi vì cháu ốm yếu chưa tự chăm sóc được cho mình và về cấp dưỡng nuôi con chung anh P thay đổi không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến trình bày như sau: Về quan hệ hôn nhân; Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của chị H và xem xét cho vợ chồng chị H, anh P về đoàn tụ; đề nghị Tòa án xem xét Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình để xét tình trạng hôn nhân đã trầm trọng chưa vì chính quyền địa P chưa bao giờ biết về vấn đề này và việc bác đơn khởi kiện của chị H thì chị H vẫn có quyền khởi kiện lại sau 01 năm.

Về con chung, chị H có nguyện vọng nuôi cả hai cháu đến khi đủ 18 tuổi thì thấy: Chị H về điều kiện chăm sóc con không bằng anh P vì anh P là một giáo viên, có chỗ ở ổn định, có thu nhập đảm bảo, về tâm lý xã hội thì việc giao hai cháu cho mẹ là phù hợp tuy nhiên khi các con càng lớn thì lại cần có sự giáo dục của người cha mà đặc biệt anh P còn là một nhà giáo nên đề nghị cần giao cho anh P nuôi dưỡng, chăm sóc một cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia tố tụng tại phiên tòa giải quyết vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử.

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 5, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Đinh Thị Ngọc H được ly hôn đối với anh Đinh Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thủy D, sinh ngày 07/3/2013 cho anh Đinh Văn P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Giao cháu Đinh P A, sinh ngày 01/8/2017 cho Đinh Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi cháu P Anh đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Anh P và chị H không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

"Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con"

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Đinh Thị Ngọc H không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đinh Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện N, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0001502 ngày 06 tháng 3 năm 2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; bị đơn có nơi cư trú tại huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Ngọc H và anh Đinh Văn P được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã S1 (nay xã P), huyện N, tỉnh Ninh Bình. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị H chung sống tại nhà mẹ anh P tại xã S, huyện N. Anh đi dạy học tại tỉnh L. Đến tháng 8 năm 2013 thì anh P được chuyển về công tác tại trường THCS xã Q1. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, không tôn trọng nhau. Thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau và có cả bạo lực gia đình.

Tình trạng ly thân kéo dài và rất nhiều lần. Cụ thể năm 2022 chị H và anh P đánh chửi nhau nên chị H đã bỏ nhà về mẹ đẻ của anh P để ở một thời gian để mẹ anh P và anh em trong nhà khuyên bảo anh P và thời gian đó do thương con nên chị đã lại quay về ở với anh P. Đến tháng 8 năm 2024 cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng anh P, chị H ngày càng căng thẳng hơn. chị H, anh P sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau và chị H đã cùng hai con dọn về nhà bố mẹ đẻ của mình để ở. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H vẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị H đề nghị xin ly hôn anh P. Tại phiên tòa anh P cũng thừa nhận có việc vợ chồng anh chị sống ly thân và có việc năm 2022 chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ của anh để ở do anh chị có mâu thuẫn và lần 2 vào tháng 8 năm 2024 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ của chị H ở thôn Quỳnh Phong 2, xã Phúc Sơn để ở cho đến nay. Tuy nhiên anh P không đồng ý ly hôn với chị H với lý do mâu thuẫn không trầm trọng, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt, vụn vặt; vì thương các con cần có đủ bố và mẹ và anh vẫn còn tình cảm với chị H tuy nhiên tại phiên tòa anh P có trình bày bản thân chị H bỏ bê nhà cửa, con cái, không chăm lo cho gia đình, anh có nhắc nhở nhưng chị H vẫn không quan tâm gia đình. Quan hệ vợ chồng không bình thường, anh chị đã có chiến tranh lạnh và chị H có quan hệ ngoài luồng có người đàn ông khác khi biết sự việc này anh rất cay cú nhưng vì thương con anh phải chấp nhận chứ không vì con thì anh muốn ly hôn cho song tuy nhiên anh không có bằng chứng về việc chị H có quan hệ với người đàn ông khác. Qua lời khai của chị H và anh P tại phiên tòa xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh P là có thực và những mâu thuẫn này là rất nhiều lần và kéo dài nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cụ thể chị H và anh P đã sống ly thân hai lần; lần thứ nhất vào năm 2022 và lần hai từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay chị H cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng, anh và chị không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau; có sự xúc phạm nhau, làm tổn hại đến danh dự và nhân phẩm của chị; không giúp đỡ và tạo điều kiện của cho chị trong cuộc sống. Chính quyền địa P nơi anh P, chị H cư trú cũng xác nhận tháng 8 năm 2024 có sự việc chị H dọn về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Q1, xã P sinh sống từ đó đến nay. Vợ chồng họ sống ly thân. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn chính quyền địa P không nắm được vì sao mà họ sảy mâu thuẫn. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị Đinh Thị Ngọc H được ly hôn với anh Đinh Văn P là phù hợp Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Đinh Thị Ngọc H và anh Đinh Văn P có 02 con chung là cháu Đinh Thùy D sinh ngày 07/3/2013 và cháu Đinh P A sinh ngày 01/8/2017. Hiện 02 cháu đang ở với chị H. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Đinh Văn P có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu với lý do chị H bỏ bê con

cái, không chăm lo cho con. Anh có điều kiện tốt hơn trong việc nuôi dạy con. Anh có công việc ổn định cụ thể anh có thể cho các đi chơi và đi học trải nghiệm được rất nhiều thứ như học tiếng Anh tại các khu du lịch do công việc của anh có nhiều thời gian để dành cho con. Có xây dựng cho con một kênh Youtube.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị H trình bày chị H có nguyện vọng được nuôi hai cháu D và P A vì anh P nuôi con chị không yên tâm do 02 cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ, bản thân cháu D đang đến tuổi dạy thì cần có sự hướng dẫn của người mẹ trong sinh hoạt của những ngày đến tháng. Còn cháu P A bản thân cháu rất là còi, thường xuyên ốm yếu ăn uống khó khăn, nên chị rất muốn ở bên các con để hướng dẫn và chăm sóc từng cháu vì bản thân các cháu và chị không muốn các cháu tách rời nhau, cháu nào chị cũng thương và chị không thể nào đưa ra lựa chọn nuôi cháu nào và để anh P nuôi cháu nào nên chị xin anh P để chị nuôi cả hai con, còn thực tế chị và anh P có thể trao đổi để chăm sóc và quan tâm đến các con cho các con bớt sự tổn thương. Tại biên bản lấy lời khai của hai cháu trên 07 tuổi đều thể hiện nguyện vọng của các cháu là muốn được ở với mẹ do hai chị em không muốn tách rời nhau, dù rất thương bố nhưng có thể về thăm bố.

Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, nguyện vọng được nuôi con của anh P và chị H là chính đáng tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con và điều kiện sống của các cháu được học tập và giáo dục tốt nhất. Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cho chị Đinh Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh P Anh sinh ngày 01/8/2017 đến khi cháu đủ 18 tuổi và giao cho anh Đinh Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Thùy D sinh ngày 07/3/2013 đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị H, anh P do mỗi người nuôi một cháu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con

[2.2]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh P không yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét

[2.3]. Về án phí: Chị Đinh Thị Ngọc H chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,

Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử cho chị Đinh Thị Ngọc H được ly hôn đối với anh Đinh Văn P. Quan hệ hôn nhân của chị H và anh P chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh P A sinh ngày 01/8/2017 đến khi cháu P A đủ 18 tuổi.

Giao cho anh Đinh Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Thùy D sinh ngày 07/3/2013 đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H, anh P không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

"Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con"

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Tòa án không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đinh Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện N, tỉnh Ninh Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0001502 ngày 06 tháng 3 năm 2025.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND H. NQ;*
- *Chi cục THA H.NQ;*
- *UBND xã;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Lâm Thị Thanh Nhàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Thị Thanh Nhàn